

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 29-7-2025

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Tùng

Bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Ngô Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm: 1948; cư trú tại số A, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1955; cư trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 38, quyền số 02-SCT/CK, ĐC do Phòng C4 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 19/01/2022); có mặt.

- Bị đơn: Cụ Bạc Thị T sinh năm: 1937; cư trú tại số H, đường H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bạc Cẩm D sinh năm: 1970; cư trú tại số C, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Vợ chồng ông Võ Kiêm T1, sinh năm: 1954, bà Thái Thị K, sinh năm: 1956; cư trú tại số A, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; ông T1 có mặt, bà K vắng mặt.

3. Vợ chồng ông Võ Minh C, sinh năm: 1982, bà Nguyễn Thị Lan C1, sinh năm: 1985; cư trú tại số A, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; ông C có mặt, bà Lan C1 vắng mặt.

4. Cháu Võ Nguyễn Minh P, sinh năm: 2012, vắng mặt;

5. Cháu Võ Quang M, sinh năm: 2014, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Vợ chồng ông Võ Minh C, sinh năm: 1982, bà Nguyễn Thị Lan C1, sinh năm: 1985; cư trú tại số A, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật (cha, mẹ); ông C có mặt, bà Lan C1 vắng mặt.

6. Bà Đào Hải Liên H, sinh năm: 1965; cư trú tại số A, đường T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

7. Ông Đào Hải T2 sinh năm: 1968; cư trú tại số A, đường M, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

8. Bà Phùng Thị N, sinh năm: 1990; cư trú tại số A, đường N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phùng Thị G, sinh năm: 1979; cư trú tại số D, đường H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2171/2025 CCGD ngày 21/7/2025); có mặt.

9. Bà Võ Thị C2, sinh năm: 1957; cư trú tại số D, đường K, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Ông Chang Quyền V, sinh năm: 1979; cư trú tại số A, đường T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Bà Lò Thị X, sinh năm: 1967; cư trú tại thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Ông Lò A K1, sinh năm: 1973; cư trú tại thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

13. Bà Lò Thị T3, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

14. Bà Lò Thị Ô, sinh năm: 1979; cư trú tại thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

15. Ông Lò A P1, sinh năm: 1986; cư trú tại thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

16. Phòng C4, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: số C, Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng); vắng mặt.

17. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Võ Thị An L1, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 22/7/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 26/01/2022 của bà Đào Thị L, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Phạm Văn Q, người đại diện theo ủy quyền của bà L, thì: Bà L là người đang sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2000; trên đất có 01 căn nhà xây cấp 04 kèm căn bếp bằng gỗ bên hông, tổng diện tích là 06mx 14m, giáp với đất bà L là thửa 372 cùng tờ bản đồ số 75.

Cả 02 thửa đất này đều có nguồn gốc là do cha của bà L là cụ Đào Quốc X1 khai phá từ năm 1956 để lại. Sau khi cụ X1 qua đời thì cụ Bạc Thị T là vợ kế của cụ tiếp tục quản lý phần đất này. Vào năm 2017 lợi dụng lúc cả nhà đang phải túc trực tại bệnh viện để lo cho chồng bà L là ông Phùng A S đang bị đau nặng, ông Bạc Cầm D, cháu ruột của cụ T, đã tự ý đến tháo dỡ hết căn bếp. Đến năm 2019 bà L đã làm lại 01 căn bếp khác bằng sắt hộp có kích thước 3,5m x 10m ngay trên chính nền đất mà ông D đã dỡ. Ông D ra ngăn cản nên các bên phát sinh tranh chấp. Phần diện tích này nay thuộc một phần của thửa 372, tờ bản đồ 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thực tế thì thửa số 372 nói trên có nguồn gốc là của cụ X1 khai phá từ năm 1956, trước khi chung sống với cụ T 21 năm. Cụ X1 đã liên tục sử dụng cho đến năm 1992 thì qua đời. Do lúc đó bà L đang còn ở Lào Cai nên cụ T là người tiếp tục quản lý thửa đất này. Đối với thửa đất 472, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ thì cũng có nguồn gốc là của cha bà L khai phá. Sau đó cụ T đã tự ý cho ông Đèo Đức V1 và chuyển nhượng một phần diện tích đất nông nghiệp phía sau cho ông Võ Minh C.

Như vậy, đây chính là di sản của cha bà L để lại và chưa chia cho các đồng thừa kế. Việc cụ T tự ý đi kê khai để được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 989992 vào ngày 02/11/2012 mang tên cụ T là trái pháp luật; đồng thời việc cụ T tự ý cho ông V1 và tự ý chuyển nhượng cho ông C cũng là trái pháp luật.

Về quan hệ huyết thống thì cụ Đào Thị X2 (đã chết) và cụ Mã Thị C3 (chết lúc bà L còn nhỏ nên không nhớ rõ năm chết) là vợ chồng. Quá trình chung sống thì cụ X2, cụ C3 có 03 người con chung gồm:

- + Ông Đào Minh K2 (đã chết lúc 20 tuổi, không có vợ con);

- + Bà Đào Thị D1 (chết lúc 60 tuổi); có chồng là Lò A D2 (đã chết) và 05 người con chung gồm: Bà Lò Thị X, ông Lò A K1, bà Lò Thị T3, bà Lò Thị Ô, ông Lò A P1;

- + Bà Đào Thị L.

Ngoài ra, cụ X2 có một người vợ khác là cụ Bạc Thị T; giữa cụ X2, cụ T thì không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 989992 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/11/2012 cho cụ Bạc Thị T;

- + Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Bạc Thị T và ông Bạc Cầm Duy L2 tại Phòng C4 tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 3197, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/8/2013;

- + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 225365 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông B Cầm Duy ngày 09/9/2013 đối với thửa 372, tờ bản đồ số 75;

- + Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Minh C đối với thửa 472, tờ bản đồ số 75 tại số A, đường N, tổ E, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- + Chia di sản thừa kế của cụ Đào Quốc X1 để lại đối với diện tích đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 75 và thửa 472, tờ bản đồ số 75 theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 601998 ngày 16/6/1999 cấp cho hộ ông Đào Đức V1, Võ Thị C2; chia di sản thừa kế đối với các thửa đất khu vực sông Đ gồm: 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; lô đất số 16 sổ địa bộ mang số hiệu 980 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do cụ Bạc Thị T5 đang quản lý; lô đất số địa bộ I tại thị trấn L, huyện

Đ, tỉnh Lâm Đồng do cụ Bạc Thị T đang quản lý. Việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không có khiếu nại thắc mắc gì.

- Theo lời trình bày của cụ Bạc Thị T thì: Vào khoảng năm 2012 – 2013, cụ có chuyển nhượng cho ông B Cầm Duy 01 thửa đất số 372, tờ bản đồ số 75 thị trấn L, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không nhớ năm). Nguồn gốc đất này một phần là do cụ và cụ Đào Quốc X1 (chồng cụ) khai phá và một phần do cụ nhận chuyển nhượng của ông La Văn H1 (có viết giấy tay), sau khi cụ X1 chết. Phần đất do cụ và cụ X1 khai phá lúc cụ X1 còn sống chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cụ X1 chết thì phần đất hai vợ chồng cụ khai phá mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ không nhớ là được cấp vào thời gian nào. Đối với phần diện tích đất ông D, bà L đang tranh chấp nằm trong phần đất mà cụ nhận chuyển nhượng của ông H1. Cụ và cụ X1 chung sống với nhau từ năm 1975 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với cụ thì ông X1 đã có vợ nhưng đã chết. Cụ X1 chết năm 1992, có để lại di chúc nhưng do chuyển nhà nhiều lần nên hiện đã bị thất lạc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ X1 có cụ và con cụ X1 là bà Đào Thị L (vợ cũ và những người con khác của cụ X1 đều đã chết).

Căn nhà cấp 4 (ngang khoảng 04m x dài khoảng 12m) sát bên thửa đất cụ chuyển nhượng cho ông D mà hiện nay bà Đào Thị L đang ở là do cụ cho bà L, căn nhà này trước đây cụ sử dụng để ở, lúc cho bà L thì cụ có viết giấy tay; lúc này đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nay bà L có đơn khởi kiện thì cụ không đồng ý, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo nội dung đơn yêu cầu độc lập, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết của ông Bạc Cầm D thì: Nguồn gốc diện tích đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là do ông nhận chuyển nhượng từ cụ Bạc Thị T, khi ông nhận chuyển nhượng thì diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T vào năm 2013. Giữa hai bên đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng và không có tranh chấp gì. Ông cũng đã được nhận đất trên thực địa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Quá trình sử dụng đất thì ông phát hiện bà L đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông; do đó ông có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Đào Thị L phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm theo họa đồ đo đạc hiện trạng thực tế hiện nay do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện là 73,5m² thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Yêu cầu bà L tháo dỡ công trình trên phần đất đã lấn chiếm của ông, cụ thể: 01 căn nhà tôn dựng tạm, tường xây gạch, kết hợp tôn, mái lợp tôn, vì kèo xà gồ,

nền láng xi măng (trong nhà có 01 giếng đào, khi ông nhận chuyển nhượng của bà T thì đã có giếng nên không yêu cầu di dời).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông thì ông không đồng ý. Về bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đang giữ và không cầm cố, thế chấp ở bất kỳ tổ chức tín dụng nào.

- Theo lời trình bày của ông Võ Kiên T1 thì: Vào năm 2002, do có nhu cầu về đất ở, nên con của ông là ông Võ Minh C đã nhận chuyển nhượng của ông Đào Đức T6 căn nhà ở và quyền sử dụng đất tại đường N, thị trấn L, được Ủy ban nhân dân thị trấn L niêm yết công khai theo luật định (có hợp đồng chuyển nhượng). Sau đó Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C theo quy định. Cùng thời gian này cụ Bạc Thị T có một mảnh đất nông nghiệp diện tích khoảng 135m², do không có đường đi nên cũng đã chuyển nhượng cho con ông với số tiền là 20.000.000đ; giữa các bên có lập giấy viết tay.

Năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vi phạm chuyển nhượng trái phép theo Quyết định số 615/QĐ-UB và sau đó có quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên theo Quyết định số 614/QĐ-UB. Năm 2011 con ông làm nhà và sau đó được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 740753 ngày 07/12/2012 với tên người sử dụng là Võ Minh C.

Ông đề nghị Tòa án xem xét đối với phần đất mà cụ T chuyển nhượng cho ông là khoảng hơn 100m² nói trên chứ phần diện tích đất phía trước thì không có liên quan gì do con ông đã nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông T6, bà Liên từ năm 2005. Đối với yêu cầu của bà L thì ông không đồng ý.

- Ông Võ Minh C thống nhất với lời trình bày của ông T1; không bổ sung gì thêm.

- Theo lời trình bày ông Chang Quyền V thì: Năm 2020 bà Võ Thị C2, sinh năm: 1957, trú tại số D, đường K, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chuyển nhượng cho ông thửa đất số 1960, tờ bản đồ số 17 tại thị trấn L, huyện Đ, diện tích 686m², mục đích sử dụng đất: trồng lúa, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 004303 ngày 14/6/2005 đứng tên bà Võ Thị C2.

Các bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ vào sổ đăng ký đứng tên người nhận chuyển nhượng theo quy định. Khi thực hiện xong các thủ tục chuyển nhượng, bà C2 đã giao toàn bộ diện tích đất này cho ông quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

Năm 2022 bà Đào Thị Minh H2 chuyển nhượng cho ông các thửa đất số 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 tờ bản đồ số 17 tại thị trấn L, huyện Đ diện tích 5.822m², mục đích sử dụng đất: trồng lúa, đã được

Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 601998 ngày 16/6/1999 đứng tên hộ ông Đèo Đức V1; để thừa kế và tặng cho bà Đèo Thị Minh H2 ngày 18/11/2021. Các bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ vào sổ đăng ký đứng tên ông. Khi thực hiện xong các thủ tục chuyển nhượng, bà Đèo Thị Minh H2 đã giao toàn bộ diện tích đất này cho ông quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

Như vậy việc chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất nêu trên giữa các bên là hoàn toàn đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Do bà L đã rút đơn khởi kiện đối với phần diện tích đất có liên quan tới ông là thửa đất khu vực sông Đ bao gồm 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Ông xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của bà Võ Thị C2 thì: Đối với việc bà L đã rút đơn đối với phần diện tích đất có liên quan tới bà là thửa đất khu vực sông Đ: 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì bà đồng ý và không có ý kiến gì. Bà xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của bà Phùng Thị N: Bà là con của bà Đào Thị L. Năm 2003 cụ Bạc Thị T là mẹ kế của bà L và bà ngoại của bà, đưa gia đình bà từ B vào và cho căn nhà cùng căn nhà bếp với một giếng nước. Gia đình bà cùng nhau sinh sống ở đó đến năm 2004, cụ T đã viết giấy cho căn nhà trên lúc đó có ông Nguyễn Xuân T7, khu phố trưởng, là người đại diện chính quyền ký xác nhận làm chứng. Từ năm 2004 cha mẹ bà sang bên sông ở coi ruộng vườn còn lại bà ở lại căn nhà trông coi. Thời gian 16 năm trôi qua căn nhà bị mục nát hư hỏng nặng. Tháng 3 năm 2019 gia đình sửa chữa lại căn bếp trên để sinh hoạt theo nền móng cũ, không hề lấn chiếm đất của ông D. Trong thực tế đất của ông D nhận chuyển nhượng là đất nghĩa địa của thôn T8 và đất của ông bà ngoại của bà để lại có giấy tờ chứng minh nên việc chuyển nhượng nói trên là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L.

- Bà Lò Thị X, ông Lò A K1, bà Lò Thị T3, bà Lò Thị Ô, ông Lò A P1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L; không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Ông Phạm Văn Q, người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị L, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Bạc Cầm D, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Ông Võ Kiên T1, ông Võ Minh C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bạc Cầm D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Đào Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 989992 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/11/2012 cho cụ Bạc Thị T; huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3197, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/8/2013 do cụ T và ông B Cầm Duy lập tại Phòng C4 tỉnh Lâm Đồng; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 225365 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông B Cầm Duy ngày 09/9/2013 đối với thửa 372, tờ bản đồ số 75; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Minh C đối với thửa 472, tờ bản đồ số 75 tại số A, đường N, tổ E, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chia di sản thừa kế của cụ Đào Quốc X1 để lại đối với diện tích đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 75 và thửa 472, tờ bản đồ số 75 theo quy định của pháp luật.

Cụ Bạc Thị Thinh K3 đồng ý, ông Bạc Cầm D có yêu cầu độc lập buộc bà L phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm theo họa đồ đo đạc thực tế hiện nay do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện là 73,5m² thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; yêu cầu bà L tháo dỡ công trình trên phần đất đã lấn chiếm của ông, cụ thể: 01 căn nhà tôn dựng tạm, tường xây gạch, kết hợp tôn, mái lợp tôn, vì kèo xà gồ, nền lán xi măng nên các bên phát sinh tranh chấp.

Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”* theo quy định tại các khoản 3, 5, 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Diện tích đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BL 989992 ngày 02/11/2012 cho cụ Bạc Thị T; đến ngày 09/8/2013 cụ T đã chuyển nhượng phần diện tích đất này cho ông Bạc Cầm D; trên cơ sở đó ngày 09/9/2013 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 225365 cho ông D đối với thửa đất nói trên.

Đối với diện tích đất thuộc thửa 472, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011259 ngày 13/8/2004 cho ông Đèo Đức T6, bà Hồ Thị H3. Năm 2005 vợ chồng ông T6, bà H3 đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Võ Minh C. Trước đó, vào năm 2002 thì ông C có nhận chuyển nhượng một phần đất của cụ Bạc Thị T một lô đất nằm sát phần diện tích đất mà ông C nhận chuyển nhượng sau này của vợ chồng ông T6, bà H3.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng do đây là những di sản thừa kế của cụ X1 để lại nên đề nghị hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X1 theo quy định.

[2.2] Xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 372 và thửa 472 do cụ Đào Quốc X1 khai phá, sử dụng từ năm 1956, trước khi chung sống với cụ Bạc Thị T vào khoảng năm 1975. Sau đó, cả cụ X1 và cụ T cùng quản lý, sử dụng đất cho đến khi cụ X1 qua đời vào năm 1992.

Trước khi qua đời cụ X1 có lập “Giấy ủy quyền sở hữu nhà đất” ghi ngày 16/9/1991 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn L với nội dung thể hiện cụ X1 giao toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu khối tài sản chung của cụ và cụ T cho cụ T. Sau khi cụ X1 chết thì cụ T cũng là người duy nhất tiếp tục trực tiếp quản lý, sử dụng đất một cách liên tục, công khai, ổn định và không có tranh chấp với ai. Đồng thời, một phần diện tích đất cụ có được là do tự khai phá thêm và một phần nhận chuyển nhượng từ ông La Văn H1 (có giấy viết tay). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng thừa nhận đến năm 2000, cụ T mới là người đưa nguyên đơn vào sinh sống trên một phần diện tích đất hiện nay mà các bên đang tranh chấp.

Như vậy, tại thời điểm cụ X1 chết thì bà L vẫn đang sinh sống ở Lào Cai, toàn bộ đất đai do cụ T quản lý, sử dụng và đến năm 2000 bà L mới vào sinh sống cùng mẹ kế. Sau này cụ T cũng đã lập giấy chuyển quyền nhà và đất ở cho bà L phần căn nhà hiện nay mà nguyên đơn đang quản lý, sử dụng.

Mặt khác, tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T thể hiện nguồn gốc phần diện tích đất thuộc thửa 372 do cụ nhận chuyển nhượng từ ông La Văn H1; giữa các bên có viết giấy tay. Tại thời điểm này, bà L đã ở cạnh phần diện tích đất này nhưng khi cụ T thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên thì cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Do đó, có căn cứ để xác định cụ T là người được cụ X1 giao quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất thuộc thửa 372, 373. Sau đó, phần thửa 373 đã được cụ T chuyển giao lại cho bà L sử dụng. Việc cụ T thực hiện kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm vào 2012 là đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế sử dụng đất. Bởi lẽ như đã phân tích thì cụ T là người duy nhất quản lý, sử dụng thực tế thửa đất này từ sau khi cụ X1 mất đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2012), không có tranh chấp. Quá trình quản lý, sử dụng liên tục kéo dài 20 năm mà không bị khiếu nại hay có tranh chấp gì.

Như vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 989992 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 02/11/2012 cho cụ Bạc Thị T là không có cơ sở xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Bạc Thị T và ông Bạc Cầm Duy L2 tại Phòng C4 tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 3197 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/8/2013 thì thấy rằng:

Như đã phân tích, cụ T được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 989992 nên có quyền định đoạt hợp pháp đối với quyền sử dụng đất nêu trên, phù hợp với quy định của Luật Đất đai. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ T và ông Bạc Cầm D là hợp pháp, đúng trình tự nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng này của bà L.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 225365 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông B Cầm Duy ngày 09/9/2013 thì thấy rằng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ T với ông D do Phòng C4 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận số 3197 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/8/2013 là căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 225365 ngày 09/9/2013.

Như đã phân tích, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cụ T qua ông D là đúng quy định của pháp luật nên việc bà L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là không có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Minh C đối với thửa 472, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng:

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 472, tờ bản đồ số 75 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011259 ngày 13/8/2004 cho ông Đèo Đức T6, bà Hồ Thị H3. Năm 2005 vợ chồng ông T6, bà H3 đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Võ Minh C. Các

bên có lập hợp đồng chuyển nhượng và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ chứng nhận ngày 31/8/2005.

Bên cạnh đó, vào năm 2002 cụ Bạc Thị T có chuyển nhượng thêm cho ông C một phần đất nông nghiệp khoảng 135 m² liền kề phía sau, do cụ quản lý. Do việc chuyển nhượng giữa hai bên được thực hiện bằng giấy viết tay nên Ủy ban nhân dân huyện Đ đã có Quyết định số 615/QĐ-UB ngày 08/4/2005 xử lý chuyển nhượng trái phép; đồng thời ban hành Quyết định số 614/QĐ-UB ngày 08/4/2005 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Minh C.

Đến năm 2011 ông C đã xây dựng nhà trên phần đất này và đến ngày 07/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 740753, mang tên ông Võ Minh C.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, thì phần diện tích đất này đã được ông C xây dựng nhà kiên cố có kết cấu 01 trệt, 02 lầu; phần diện tích nhận chuyển nhượng của cụ T trước kia thì được ông C xây dựng một căn nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch, trụ bê tông cốt thép. Quá trình xây dựng nhà thì bà L cũng không có tranh chấp gì. Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003, thì ông C là cá nhân sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào đủ căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất nói trên là di sản thừa kế của cụ X1 để lại. Các đương sự khác trong vụ án không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Minh C đối với thửa 472, tờ bản đồ số 75.

Căn cứ phân tích từ các mục [2.1 đến [2.5] thì không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Đào Thị L.

[2.6] Đối với yêu cầu của ông Bạc Cầm D thì thấy rằng: Như đã phân tích tại mục [2.2], ông D là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời, qua xem xét “Giấy chuyển quyền nhà và đất ở” ghi ngày 12/5/2004 thì cụ T đồng ý chuyển quyền cho bà L phần căn nhà cấp 4 có diện tích 48m² và diện tích đất thuộc thửa 213 (nay là thửa 373); chứ không định đoạt cho bà L đối với phần diện tích đất thuộc thửa 372 như bà L trình bày.

Đồng thời, theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 08/10/2024 thể hiện phần diện tích đất mà bà L đang quản lý, sử dụng trên thực tế là 1.159m²; phần diện tích có ký hiệu số 3 là 73,5m² hiện bà L đang làm nhà tạm có diện tích 37,3m² qua phần đất được cấp cho ông D.

Do đó, cần buộc bà L phải tháo dỡ nhà tạm trên đất và trả lại cho ông D phần diện tích đất 73,5m² thuộc một phần thửa 372 là có căn cứ.

[2.7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 601998 ngày 16/6/1999 cấp cho hộ ông Đào Đức V1, Võ Thị C2; chia di sản thừa kế đối với các thửa đất khu vực sông Đ bao gồm: 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; lô đất số 16 sổ địa bộ mang số hiệu 980 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do cụ Bạc Thị T đang quản lý; lô đất số địa bộ I tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do cụ Bạc Thị T đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định rút các nội dung yêu cầu này. Đồng thời, phần tranh chấp đối với các thửa đất khu vực sông Đ: 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; lô đất số 16 sổ địa bộ mang số hiệu 980 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại Bản án số 16/2010/DS-ST ngày 25/3/2010 và số 23/2011/DS-PT ngày 22/02/2011. Do vậy, xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận để đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.8] Tại phiên tòa hôm nay, ông Bạc Cầm D đồng ý giao phần diện tích đất 35,3m³ có ký hiệu số 02 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 08/10/2024 thuộc quyền sử dụng của bà L. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và cần chấp nhận yêu cầu của ông Bạc Cầm D để tuyên xử theo hướng đã nhận định là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đào Thị L có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản với tổng chi phí hết 57.053.480đ (đã tạm nộp và được Tòa án quyết toán xong). Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cần buộc bà L phải chịu toàn bộ chi phí này là có căn cứ.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà Đào Thị L là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí; do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà L là có căn cứ.

Do yêu cầu độc lập được chấp nhận nên ông Bạc Cầm D không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3,5, 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 634, 637, 638 Bộ luật Dân sự năm 1995;
- Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 697 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 166, 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 1,3 Điều 26, các khoản 2, 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” với cụ Bạc Thị T và ông Bạc Cầm D đối với diện tích đất thuộc thửa số 372, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc: “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế*” với ông Võ Minh C đối với diện tích đất thuộc thửa 472, tờ bản đồ số 75 tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc: “*Yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” với ông Đèo Đức V1, Võ Thị C2 đối với phần thửa đất khu vực sông Đ: 1518, 1519, 1520, 1521, 1536, 1537 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1587 và 668m² đất thuộc thửa 1960, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.822m² tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Lô đất số 16 sổ địa bộ mang số hiệu 980 và lô đất số địa bộ I tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (hiện nay cụ Bạc Thị T đang quản lý).

3.1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Đào Thị L.

3.2. Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bạc Cầm D về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất*” với bà Đào Thị L.

4.1. Buộc bà Đào Thị L có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 73,5m² thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho ông Bạc Cầm D (ký hiệu số 3 trong họa đồ).

4.2. Buộc bà Đào Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ 01 căn nhà tôn dựng tạm, tường xây gạch, kết hợp tôn, mái lợp tôn, vì kèo xà gồ, nền lán xi măng nằm trên phần diện tích đất 73,5m² thuộc một phần thửa 372, tờ bản đồ số 75 tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bạc Cầm D về việc giao phần đất có diện tích 35,3m² (ký hiệu số 2 trong họa đồ) cho bà Đào Thị L sử dụng. Bà L được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất này.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 08/10/2024 kèm theo).

6. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đào Thị L phải chịu 57.053.480đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã tạm nộp và được Toà án quyết toán xong).

8. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị L.

Ông Bạc Cầm D không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông D được nhận lại số tiền 750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo B1 lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00013274 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 2 – Lâm Đồng).

9. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

10. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GD, KTr, TTr & THA (01);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (19);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch